

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 27/3/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đình Thi.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trác Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị L, sinh ngày 07/03/1989; số căn cước: 008189xxx; địa chỉ: Thôn K, xã T1, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 31/07/1989; số căn cước: 030089xxx; địa chỉ: Thôn K, xã T1, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

3. *Người làm chứng:* Bà Nguyễn Thị L1, sinh ngày 01/03/1956; số căn cước: 030156xxx; địa chỉ: Thôn K, xã T1, thành phố Hải Phòng. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Bàn Thị L) trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/01/2019. Chị kết hôn với anh T là người chồng thứ hai sau khi đã ly hôn với người chồng đầu. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại gia đình nhà chồng, sống cùng bố mẹ chồng (bố chồng chị đã chết vào tháng 6 năm 2025), cuộc sống vợ chồng anh chị hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống với mẹ chồng, với chồng về kinh tế cũng như cách sống. Anh T mãi chơi, nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ thay, mẹ chồng chị bệnh con thường xuyên chửi mắng chị, do vậy chị đã ra ngoài thuê trọ từ năm 2021 đến nay, chỉ khi chị về đón con thì chị mới qua ông bà. Thời gian gần đây anh T thường xuyên về nhà ở cùng với mẹ, không quan tâm tới cuộc sống của chị nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã nói chuyện với nhau nhưng không có chung quan điểm. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân

không có hạnh phúc, không thể duy trì và tồn tại được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019. Trước khi kết hôn với anh T, chị có 01 con riêng với người chồng trước, thời gian đầu chị đưa con riêng về ở cùng nhưng gia đình anh T gây khó dễ nên chị đã phải gửi cháu về ông bà ngoại trông nom, chăm sóc, hàng tháng chị về thăm cháu và gửi tiền nhờ ông bà lo cho cháu. Chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị nuôi, chị tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm công việc tự do, buôn bán rau ngoài chợ, mức thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 08 -10 triệu đồng/tháng. Chị đang thuê nhà trọ mỗi tháng trả 1,2 triệu/tháng, cách nhà mẹ chồng chị khoảng 02 km. Hàng ngày có xe đưa đón Cháu P đi học, thời gian cháu đi học về chị và anh T chưa đi làm về nên vẫn nhờ bà nội cháu là bà Nguyễn Thị L1 trông nom, tắm gội, cho cháu ăn, tối chị mới đón con về ngủ cùng. Nếu Tòa án giao cho chị nuôi con thì chị sẽ đưa cháu về quê ngoại tại thôn Tân Thanh, xã Tân Thanh, tỉnh Tuyên Quang sống cùng bố mẹ và con trai lớn của chị.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị Bàn Thị L được tự do tìm hiểu, cùng nhau tự nguyện đến UBND xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2019. Sau khi kết hôn, anh chị về sống tại xã T1, thành phố Hải Phòng, vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không tìm thấy tiếng nói chung, hôn nhân không còn được hạnh phúc. Nay chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nữa nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019. Anh không nhất trí giao con cho chị L nuôi vì chị L không có việc làm ổn định, không có nhà cửa và còn đang nuôi một con riêng với chồng cũ. Hiện tại anh làm công nhân tại Công ty nhôm Phương Trung, có địa chỉ tại cụm công nghiệp Hoàng Diệu, xã Gia Lộc, thành phố Hải Phòng, anh có mức thu nhập 13.000.000 đồng/tháng. Sau khi ly hôn, anh sẽ về ở với mẹ anh ở thôn K, xã T1, thành phố Hải Phòng. Trong gia đình anh chỉ có anh và mẹ anh ở, khi con anh đi học về anh nhờ mẹ anh đón cháu, tắm rửa, cho ăn cho đến khi anh đi làm về. Do vậy, anh có điều kiện đảm bảo về nơi ăn học, chỗ ở cho con; từ khi sinh con đến nay, anh chị đi làm đều gửi con cho mẹ anh trông nom, đưa đón con đi học, anh có nơi ăn ở ổn định nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng - bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh T và là mẹ chồng của chị L. Anh chị tự do tìm hiểu với nhau, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tự nguyện đến UBND xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo quy định của pháp luật, sau đó được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo

phong tục địa phương. Cưới xong anh chị về chung sống cùng với vợ chồng bà tại thôn K. Cuộc sống vợ chồng anh chị hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 - 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không ai chịu nhường nhịn ai, thường xuyên cãi chửi, đánh nhau. Anh T và chị L kết hôn với nhau đều là cuộc hôn nhân thứ 2 sau khi đã đổ vỡ cuộc hôn nhân đầu, anh T chưa có con riêng, chị L đã có 01 con riêng với chồng trước. Mỗi lần vợ chồng anh chị đánh chửi nhau, chị L lại gọi điện để cho bà nghe anh chị chửi nhau, chị L chửi, xúc phạm bà. Bà đã nhiều lần nói chuyện với anh chị nhưng anh chị không thay đổi, chị L đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ, không sống cùng với bà nữa, chỉ có anh T thường xuyên về sống cùng bà. Bà thấy hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, không có sự quan tâm, chia sẻ, vun vén hôn nhân nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau để anh chị ổn định cuộc sống, yên tâm làm ăn.

Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019, hiện nay Cháu P đang ở cùng với bà và anh T. Anh chị đi làm, gửi con cho bà trông nom từ khi Cháu P còn bé đến lúc đi học mẫu giáo, tiểu học. Anh chị thuê xe đưa đón, khi cháu đi học về bà là người trông nom, chăm sóc, tắm rửa, cho cháu ăn đến khi bố mẹ cháu đi làm về. Nếu vợ chồng anh chị ly hôn, bà đề nghị Toà án giải quyết giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và chăm sóc vì từ trước tới nay con chung của anh chị ở cùng với bố, được bà trông nom, chăm sóc, nay cháu đang học trường tiểu học Quảng Nghiệp, cháu học tốt, bà không muốn cháu bị thay đổi về môi trường sống, môi trường học tập. Anh T đi làm công ty có mức thu nhập ổn định, ở cùng với bà, nơi ăn ở ổn định. Chị L đi chợ bán hàng rau, đi sớm về muộn, không dành thời gian để chơi, chăm sóc các con, bản thân chị L đang phải nuôi con riêng của mình với người chồng trước, khi lấy anh T, thời gian đầu chị L đưa con về sống cùng với vợ chồng anh chị và ông bà nhưng sau chị L gửi con riêng cho ông bà ngoại ở Tuyên Quang trông nom, nuôi dưỡng. Do vậy, việc nuôi con của chị L là rất vất vả và khó khăn, công việc và nơi ăn ở không ổn định. Bà làm việc tại nhà nên hỗ trợ được anh T việc trông nom, chăm sóc cháu trong thời gian anh T đi làm, hiện nay chỉ có bà và hai bố con anh T sống với nhau, điều kiện sống, ăn ở rộng rãi, đảm bảo tốt cho cháu. Bà nhận trách nhiệm giúp anh T trông nom, chăm sóc con, bà không yêu cầu hay đề nghị anh chị trả tiền công hay bất kỳ khoản chi phí nào về việc này.

Đại diện nhà trường nơi cháu Nguyễn Diệu P đang theo học cung cấp: Cháu P có sức khỏe tốt, phát triển bình thường, tham gia đầy đủ các buổi học tập, các buổi ngoại khóa của trường, của lớp. Cháu luôn vui vẻ, nhanh nhẹn, hòa đồng với bạn bè. Về lực học: Tiếp thu bài tốt, chăm ngoan, học đều các môn trên lớp, trong lớp lắng nghe các thầy cô giảng bài. Hiện trường Tiểu học Quảng Nghiệp, thành phố Hải Phòng đạt chuẩn quốc gia, môi trường học tập tốt, kết quả học tập của học sinh luôn đạt kết quả cao. Trong quá trình cháu P theo học tại lớp 1B, bố mẹ cháu là người nộp đầy đủ các khoản đóng góp cho nhà trường. Cháu đang có tâm lý học tập ổn định, môi trường học tập tốt, nếu chuyển cháu đi học ở trường, lớp khác sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như tâm lý của cháu.

Theo địa phương cung cấp: Anh Nguyễn Văn T, chị Bàn Thị L sinh sống tại địa phương. Trước đây anh chị sống cùng với bố mẹ anh T nhưng sau anh chị ra ngoài thuê trọ ở cùng xã; thỉnh thoảng anh T về ở với mẹ là bà Nguyễn Thị L1. Anh chị có một con chung là Nguyễn Diệu P hiện đang học tại trường tiểu học Quảng Nghiệp, thành phố Hải Phòng. Hàng ngày có xe đưa đón cháu đi học, cuối giờ chiều bà nội cháu là bà L2 đón, trông nom, chăm sóc cháu giúp anh chị. Thỉnh thoảng cháu ra ngoài chơi vui vẻ, cháu có sức khỏe tốt, nhanh nhẹn, phát triển bình thường. Thời gian gần đây, anh T thường xuyên về sống cùng bà L2, anh T đi làm công ty còn chị L làm nghề bán rau tại chợ, chợ họp vào đầu giờ sáng và cuối giờ chiều.

Tại phiên tòa, chị L xác định chị thực sự không còn tình cảm với anh T nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị được ly hôn anh T. Chị đề nghị Tòa án tiếp tục giao con cho chị nuôi, chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị vẫn buôn bán rau ngoài chợ có mức thu nhập bình quân khoảng 08 triệu đồng/tháng, chị vẫn nhờ bà nội cháu trông nom, tắm gội, cho cháu ăn khi cháu đi học về, tối chị mới đón con về ngủ cùng. Nếu Tòa án giao cho chị nuôi con thì chị sẽ đưa con về quê ở tỉnh Tuyên Quang sống cùng bố mẹ và con trai lớn của chị, chị sẽ cho cháu học ở Trường tiểu học gần nhà, con trai lớn của chị có thể đưa em đi học giúp chị nên chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Anh T xác định vợ chồng đã không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn. Anh cho rằng chị trình bày là anh mãi chơi, chị phải trả nợ thay là không đúng vì chị L chỉ có trả giúp anh vài khoản nợ nhỏ, không phải vì anh không có tiền trả; giai đoạn đầu mới cưới nhau, anh chị còn nuôi con riêng của chị nhưng sau khi có con chung thì mới gửi cháu về cho ông bà ngoại chăm giúp, hàng tháng chị L vẫn gửi tiền về cho ông bà ngoại nuôi con riêng của chị, mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, đóng học cho con cả hai vợ chồng cùng nhau chi trả, ban đầu anh cho đưa tiền cho chị nhưng chị không quán xuyến hết, anh vẫn phải trực tiếp đi thăm hỏi họ hàng lúc ốm đau nên anh mới đưa cho chị ít hơn, còn lại anh trực tiếp mua sắm, chi trả chi tiêu trong gia đình, cho con ăn học. Anh xác định, hiện anh làm công ty có mức thu nhập ổn định hơn 10 triệu/tháng, anh có mẹ anh hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh là người trực tiếp kèm, dạy cho con học tập, chị L chỉ có đón con về ngủ cùng; sau khi ly hôn chị L không có nơi ở, việc làm ổn định, nếu giao con cho chị L, chị lại đưa cháu về Tuyên Quang nhờ ông bà ngoại chăm sóc sẽ ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt của con anh nên anh đề nghị được trực tiếp nuôi con và anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết và xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày

16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bàn Thị L ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con là Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Bàn Thị L khởi kiện ly hôn bị đơn anh Nguyễn Văn T, trú tại thôn K, xã T1, thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án và phù hợp với khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Nghiệp, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương (nay là xã T1, thành phố Hải Phòng) vào ngày 07/01/2019 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị L xác định vợ chồng chỉ hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với gia đình chồng về kinh tế cũng như cách sống. Nguyên nhân do anh T mãi chơi, nhiều lần chị phải đứng ra trả nợ thay, mẹ chồng chị bệnh con còn chửi mắng chị. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh T. Anh T xác định vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh nhất trí ly hôn. Như vậy, anh chị không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, cho chị được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019. Hiện cháu đang ở cùng với anh chị và thường xuyên được mẹ anh T hỗ trợ, giúp đỡ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Cả hai anh chị đều xác định có mức thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con, đều đề nghị được nuôi con và không có yêu cầu về việc cấp dưỡng cho con. Chị L xác định thu nhập bình quân của chị là 08 triệu đồng/tháng nhưng chị không cung cấp

được căn cứ xác định thu nhập của chị; anh T có mức thu nhập bình quân (tính 03 tháng từ tháng 12/2025 đến tháng 02/2026) cụ thể = $(6.516.000 + (8.958.000 + 3.746.000 + 5.024.000) + 9.282.000)/3 = 11.175.000$ đồng/tháng. Như vậy, anh T có mức thu nhập cao hơn chị L, lại có thời gian dạy con học tập, có nhiều thời gian chăm sóc, giáo dục con hơn chị L. Địa phương và đại diện nhà trường nơi cháu P theo học xác định cháu vẫn khỏe mạnh, học tập tốt, phát triển bình thường; trường Tiểu học Quảng Nghiệp, thành phố Hải Phòng nơi cháu P đang học tập đạt chuẩn quốc gia, môi trường học tập tốt, cháu đang có tâm lý học tập ổn định, nếu chuyển cháu đi học ở trường, lớp khác sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập cũng như tâm lý của cháu. HĐXX xét thấy nguyện vọng muốn nuôi con của anh chị đều là chính đáng; anh T có điều kiện, khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tốt hơn chị L, từ nhỏ cháu sống cùng với anh chị và được bà nội trực tiếp giúp đỡ chăm sóc cháu, cháu vẫn khỏe mạnh, phát triển bình thường; hàng ngày anh T vẫn trực tiếp dạy dỗ cháu học tập; nếu giao con cho chị L nuôi dưỡng, chị sẽ đưa cháu về tỉnh Tuyên Quang sinh sống cùng với bố mẹ và con riêng của chị thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc thích nghi của cháu với môi trường mới và sẽ là gánh nặng thêm cho chị và bố mẹ chị. Do đó, để bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống của con và quyền lợi mọi mặt của con anh chị, HĐXX cần giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, Tòa án đã giải thích việc yêu cầu cấp dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con của anh chị nhưng anh tự nguyện không yêu cầu chị phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, HĐXX xét thấy anh vẫn đang nuôi con, việc anh không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện nên không cần buộc chị L phải cấp dưỡng cho con là phù hợp với khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị đều không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu

vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án; khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Bàn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao con là Nguyễn Diệu P, sinh ngày 03/10/2019 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T tự nguyện không yêu cầu chị Bàn Thị L phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Bàn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0006109 ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng; chị Bàn Thị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (thông qua Phòng THADS khu vực 11);
- UBND xã T1, TP Hải Phòng (nơi đăng ký kết hôn)
- đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vương Đình Thi